

## BẢN TIN

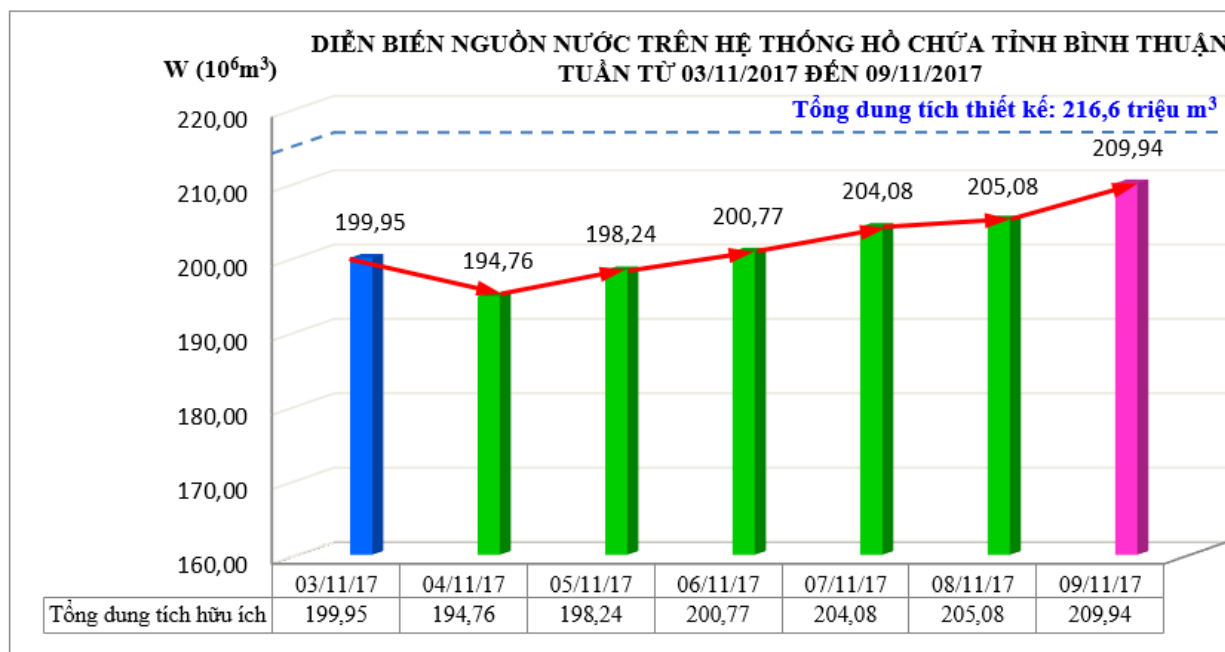
### DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN LƯU VỰC SÔNG LỮY - SÔNG LA NGÀ TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2017

(Tuần từ 10/11/2017 đến 16/11/2017)

#### 1. KIỂM KÊ THỰC TRẠNG NGUỒN NƯỚC TRÊN HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH BÌNH THUẬN

##### 1.1. Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập từ ngày 03/11/2017 – 09/11/2017

Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi tỉnh Bình Thuận từ ngày 03/11/2017 đến 09/11/2017 được trình bày tại Hình 1. Kết quả cho thấy tổng lượng nước trong các hồ/ đập trên địa bàn tỉnh tuần qua có chiều hướng tăng. Tuần qua, do có sự xuất hiện của mưa bão đã gây mưa vừa và mưa to ở một vài nơi trong tỉnh cộng với lượng nước ngoại tỉnh bổ sung khiến tổng dung tích các hồ tăng. Tổng lượng tăng của tuần qua là 9,99 triệu m<sup>3</sup> trong đó mức tăng bình quân là 1,67 triệu m<sup>3</sup>/ngày nhiều hơn mức tăng 0,52 triệu m<sup>3</sup>/ngày như của tuần trước.



Hình 1: Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập tỉnh Bình Thuận từ 3/11 - 9/11/2017

##### 1.2. Kiểm kê thực trạng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 09/11/2017

###### 1.2.1. Nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi

Tính đến ngày 09/11/2017 tổng dung tích hữu ích của 17 hồ/ đập lớn trên địa bàn

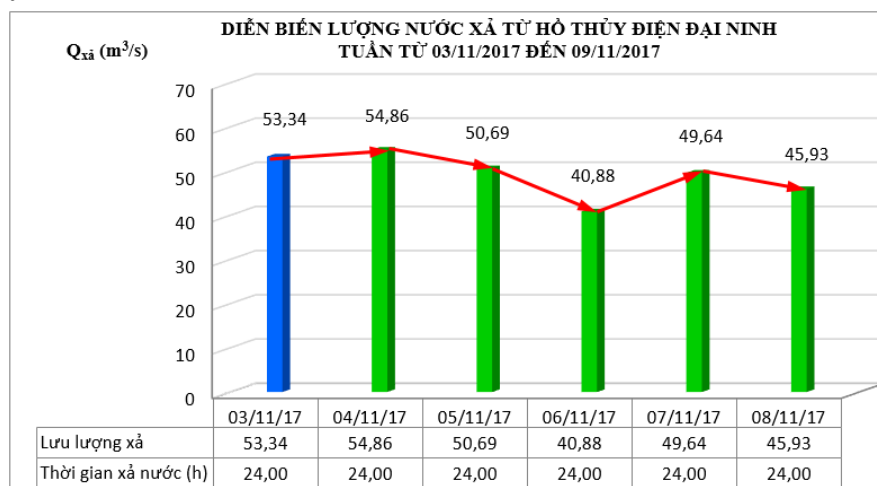
tỉnh Bình Thuận là 209,94 triệu m<sup>3</sup>, đạt 80,93% so với tổng dung tích hữu ích thiết kế. Dung tích các hồ về tổng thể chung thì tăng, tuy nhiên có một số hồ/ đập dung tích giảm so với đầu tuần như hồ Cẩm Hàng, hồ Đu Đù, hồ Tân Lập, hồ Tà Mon và đập Sông Phan. Hồ/đập có tỉ lệ dung tích hữu ích thấp nhất là hồ Sông Dinh 3 với tỉ lệ là 5,42% so với dung tích thiết kế. Hồ có tỉ lệ cao nhất là hồ Trà Tân với 112,80% dung tích thiết kế. Hiện tại 4 hồ có dung tích hữu ích thiết kế lớn trên địa bàn tỉnh là hồ Lòng Sông, hồ Cà Giây, hồ Sông Quao, hồ Sông Móng tính đến thời điểm hiện nay vẫn còn nhiều nước (Dung tích hiện tại đều đạt trên 90% so với dung tích thiết kế).

Bảng 1: Tổng hợp dung tích các hồ, đập tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 09/11/2017

ST T	Tên các Hồ chứa/ đập dâng	DUNG TÍCH (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )						Tỷ lệ dung tích hữu ích hiện tại so với thiết kế
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích thiết kế	Hữu ích hiện tại	
1	Đá Bạc	4,992	4,87	9,718	0,392	4,478	4,600	102,72%
2	Lòng Sông	37,113	37,16	40,271	3,464	33,696	33,649	99,86%
3	Cà Giây	36,872	36,921	63,209	8,409	28,512	28,463	99,83%
4	Sông Khánh	1,864	2,014	2,52	0,261	1,753	1,603	91,44%
5	Sông Quao	70,248	73	80	5,7	67,3	64,548	95,91%
6	Suối Đá	5,642	9,131	12,786	1,273	7,858	4,369	55,60%
7	Cẩm Hàng	0,633	1,18	1,215	0,013	1,167	0,620	53,13%
8	Sông Móng	39,571	37,156	51,515	2,985	34,171	36,586	107,07%
9	Ba Bàu	4,331	6,938	11,403	0,964	5,974	3,367	56,36%
10	Đu Đù	3,534	3,664	5,217	0,297	3,367	3,237	96,14%
11	Tân Lập	1,097	1,07	1,52	0,07	1	1,027	102,70%
12	Tà Mon	0,516	0,657	0,72	0,05	0,607	0,466	76,77%
13	Núi Đất	9,124	8,466	9,648	0,566	7,9	8,558	108,33%
14	Trà Tân	4,334	3,888	8,333	0,403	3,485	3,931	112,80%
15	Sông Phan	1,932	3,022	3,579	0,172	2,85	1,760	61,75%
16	Phan Dũng	12,067	13,674	18,925	1,233	12,441	10,834	87,08%
17	Sông Dinh 3	17,610	58,13	97,138	15,29	42,84	2,320	5,42%
<b>Tổng Cộng</b>		<b>251,480</b>	<b>300,94</b>	<b>417,72</b>	<b>41,54</b>	<b>259,40</b>	<b>209,94</b>	<b>80,93%</b>

### 1.2.2. Nguồn nước thủy điện

Đến ngày 09/11/2017, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Đại Ninh là 245,03 triệu m<sup>3</sup>/251,7 triệu m<sup>3</sup>, đạt 97,34% so với dung tích hữu ích thiết kế, tăng 15,9 triệu m<sup>3</sup> so với đầu tuần (ngày 03/11/2017).



Hình 2: Diễn biến lượng nước xả từ hồ Thủy điện Đại Ninh từ ngày 03/11/2017 đến 08/11/2017

Tính đến ngày 09/11/2017, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Hàm Thuận là 499,18 triệu m<sup>3</sup>/ 522,5 triệu m<sup>3</sup>, đạt 95,54% so với dung tích hữu ích thiết kế, tăng 11,63 triệu m<sup>3</sup> so với đầu tuần (ngày 03/11/2017).

Bảng 2: Dung tích hồ chứa thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận tính đến ngày 09/11/2017

Stt	Tên các Hồ chứa	DUNG TÍCH (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )						Tỷ lệ dung tích hiện tại
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích Thiết kế	Hữu ích Hiện tại	
1	<u>Đại Ninh</u>	313,07	319,770	549,820	68,040	251,730	245,03	97,34%
2	<u>Hàm Thuận</u>	671,91	695,230	976,650	172,730	522,500	499,18	95,54%
<b>Tổng Cộng</b>		<b>984,99</b>	<b>1.015,000</b>	<b>1,526,470</b>	<b>240,770</b>	<b>774,230</b>	<b>744,22</b>	<b>96,12%</b>

## 2. DỰ BÁO TÌNH HÌNH MƯA VÀ NGUỒN NƯỚC

### 2.1. Tài liệu dự báo

Tài liệu mưa ngày, khí tượng, thủy văn của các trạm chính trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (các trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân, Cà Ná) từ năm 1978-2016;

Tài liệu dự báo mưa, bốc hơi tại trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân;

Tài liệu diện tích sản xuất thực tế và kế hoạch sản xuất của tỉnh Bình Thuận năm 2017. Lịch thời vụ các loại cây trồng;

Quy trình vận hành và quan hệ đặc tính lòng hồ F~Z~W của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận và các hồ thủy điện Đại Ninh, Hàm Thuận – Đa Mi;

Lượng xả dự kiến của các hồ thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

### 2.2. Công cụ dự báo

Trong dự báo này sử dụng 2 mô hình chính là: mô hình thủy văn MIKE NAM và mô hình cân bằng nước MIKE BASIN đã được hiệu chỉnh và kiểm định.

- Sử dụng mô hình NAM để tính toán dòng chảy mặt trên các lưu vực sông;
- Sử dụng mô hình MIKE BASIN để tính toán khả năng nguồn nước các lưu vực sông tỉnh Bình Thuận theo không gian và thời gian.

### 2.3. Dự báo tình hình khí tượng, thủy văn khu vực tỉnh Bình Thuận

Dự báo KTTV tháng 11/2017	Dự báo KTTV tuần 2 - tháng 11/2017
<p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <p>- Dự báo thời tiết trong thời kỳ đầu tháng có mưa rào và dông rải rác, riêng ngày 3-5 có mưa vừa đến mưa to, có nơi mưa rất to; thời kỳ giữa và cuối tháng có mưa rào vài nơi; những ngày ảnh hưởng của xoáy thuận nhiệt đới có mưa rào và dông rải rác. Dự báo lượng mưa tháng 11/2017 cao hơn TBNN phổ biến từ</p>	<p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <p>- Dự báo thời tiết tuần tới: Mây thay đổi đến nhiều mây, thời kỳ nửa đầu tuần có mưa rào và dông rải rác, riêng từ ngày 3 đến ngày 5 khu vực có mưa to đến rất to, thời kỳ nửa cuối tuần có mưa rào vài nơi. Dự báo lượng mưa tuần tới đạt mức xấp xỉ TBNN; cụ thể: Khu vực phía bắc và</p>

100-200, riêng vùng núi từ 200-300mm; với: 8 - 12 ngày mưa.  
 - Tổng số giờ nắng: 190 – 210 giờ, tổng lượng bốc hơi: 90 - 110mm.

**b. Thủy văn:**

- Mức nước trên sông La Ngà tại trạm Tà Pao đạt giá trị thấp hơn TBNN, trên sông Lũy tại trạm Sông Lũy đạt giá trị xấp xỉ đến cao hơn TBNN.

+ Tà Pao: Htb = 117,50m; Hmax = 119,50m; Hmin = 116,00m.

+ Sông Lũy: Htb = 24,90m; Hmax = 27,50m; Hmin = 24,00m.

trung tâm tỉnh: 100 – 200 mm, với 3 - 5 ngày mưa. Khu vực phía nam và tây nam tỉnh: 150 – 250 mm, với 4 - 6 ngày mưa.  
 - Tổng số giờ nắng: 50 – 60 giờ, tổng lượng bốc hơi: 30 - 40mm.

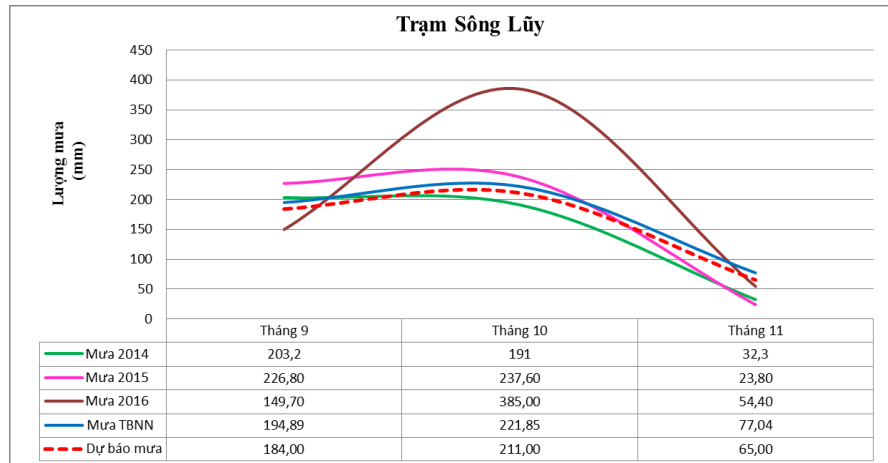
**b. Thủy văn:**

- Mức nước tại trạm Tà Pao đạt giá trị thấp hơn TBNN, trên sông Lũy tại trạm Sông Lũy đạt giá trị xấp xỉ đến cao hơn TBNN

+Tà Pao: Htb=116,80m; Hmax = 119,50m; Hmin = 116,00m.

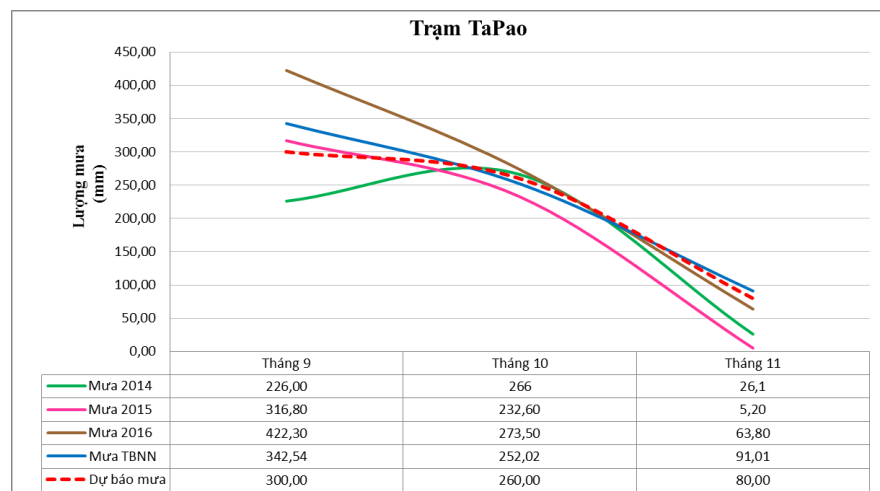
+ Sông Lũy: Htb = 24,70m; Hmax = 26,50m; Hmin = 24,30m

(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)



(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)

Hình 3: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa vụ Mùa tại trạm Sông Lũy



(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)

Hình 4: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa vụ Mùa tại trạm Tà Pao

## 2.4. Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập thủy lợi vụ Mùa năm 2017 tỉnh Bình Thuận

Bảng 3: Kết quả dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Mùa (tháng 11) năm 2017 tỉnh Bình Thuận

TT	LV Sông/ Hồ	Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ/ đập vụ Mùa năm 2017 ( $10^6 m^3$ )	
		Tháng 11 ( $10^6 m^3$ )	Tổng cộng ( $10^6 m^3$ )
1	Hồ Đá Bạc	0,804	0,804
2	Hồ Phan Dũng	3,758	3,758
3	Hồ Lòng Sông	8,580	8,580
4	Đập Sông Lũy	20,295	20,295
5	Hồ Cà Giây	13,297	13,297
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn,..	15,993	15,993
7	Hồ Sông Quao	13,504	13,504
8	Hồ Suối Đá	4,199	4,199
9	Hồ Sông Khán	0,207	0,207
10	Hồ Cà Giang	0,441	0,441
11	Hồ Cẩm Hang	0,570	0,570
12	Hồ Sông Móng	2,359	2,359
13	Đập Ba Bàu	3,655	3,655
14	Hồ Đu Đủ	0,544	0,544
15	Đập Sông Phan	14,774	14,774
16	Hồ Tân Lập	0,752	0,752
17	Hồ Tà Mon	1,840	1,840
18	Hồ Núi Đất	0,726	0,726
19	Hồ Sông Dinh	64,204	64,204
20	Đập Cô Kiều	0,933	0,933
21	Sông La Ngà (tới đập Tà Pao)	46,708	46,708
22	Hồ Trà Tân	2,255	2,255
<b>Tổng cộng</b>			<b>220,398</b>

Dự kiến lượng nước xả vụ Mùa của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận - Đa Mi như sau:

Bảng 4: Dự kiến lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi

Thủy điện		Tháng 11	Tổng ( $10^6 m^3$ )
Đại Ninh	Lưu lượng $Q_{bq}$ ngày ( $m^3/s$ )	14	36,29
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	13	
Hàm Thuận - Đa Mi	Lưu lượng $Q_{bq}$ ngày ( $m^3/s$ )	21	54,43
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	12	

(Nguồn: Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Bình Thuận)

### 3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Kết quả tính toán nhu cầu nước vụ Mùa được trình bày tại Bảng 5, kết quả cho thấy: Tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng vụ Mùa tháng 11/2017 là 110,57 triệu m<sup>3</sup>.

Bảng 5: Bảng tổng hợp nhu cầu nước tại đầu mỗi các công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận theo kế hoạch sản xuất vụ Mùa năm 2017

TT	LV Sông, hồ	Vụ Mùa 2017					
		Kế hoạch diện tích sản xuất vụ Mùa (ha)				Nhu cầu nước vụ Mùa (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )	
		Lúa	Cây màu (Ngô, đậu, mè,...)	Thanh Long	Thủy sản	Tháng 11	Tổng
<b>Tổng cộng</b>		<b>31.486,63</b>	<b>11.500,00</b>	<b>14.736,00</b>	<b>497,00</b>	<b>110,57</b>	<b>110,57</b>
1	Hồ Đá Bạc	271,38	66,55	54	-	0,59	<b>0,59</b>
2	Hồ Phan Dũng	123,99	133,11	108	-	0,50	<b>0,50</b>
3	Hồ Lòng Sông	3.061,74	240,34	195	79,00	1,50	<b>1,50</b>
4	Đập Sông Lũy	6.321,93	1.445,65	294	-	21,52	<b>21,52</b>
5	Hồ Cà Giấy	1.397,43	1.947,20	396	-	6,95	<b>6,95</b>
6	Đập Đồng Mới, Đồng Mãng, Tú Sơn...	1.017,84	1.357	276	-	6,13	<b>6,13</b>
7	Hồ Sông Quao	6.368,51	1.458,97	6.622,06	-	38,14	<b>38,14</b>
8	Hồ Suối Đá	234,98	103,54	469,95	-	1,40	<b>1,40</b>
9	Hồ Sông Khán	73,99	7,49	34	-	0,28	<b>0,28</b>
10	Hồ Sông Móng	-	5,32	177,27	-	0,10	<b>0,10</b>
11	Đập Ba Bàu	725,16	108,81	3.625,10	-	2,85	<b>2,85</b>
12	Hồ Đu Đủ	96,84	29,52	983,63	-	0,48	<b>0,48</b>
13	Đập Sông Phan	1	18,08	602,33	-	0,24	<b>0,24</b>
14	Hồ Tân Lập	-	14,16	471,82	-	0,09	<b>0,09</b>
15	Hồ Tà Mon	-	4,11	136,84	-	0,03	<b>0,03</b>
16	Hồ Núi Đất	430	350	226	-	1,85	<b>1,85</b>
17	Hồ Sông Dinh	417	2.720	64	-	5,71	<b>5,71</b>
18	Đập Cô Kiều	40	-	-	-	0,15	<b>0,15</b>
19	Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao)	10.821,00	690	-	418,00	21,03	<b>21,03</b>
20	Hồ Trà Tân	83,83	800	-	-	1,04	<b>1,04</b>

### 4. DỰ BÁO KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ MÙA NĂM 2017

#### 4.1. Dự báo nguồn nước trong các hồ/đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tuần từ 10/11/2017 đến 16/11/2017

Dự báo nguồn nước trong hệ thống các hồ, đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến ngày 16/11/2017 được trình bày tại Bảng 6, kết quả cho thấy: Dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh có xu hướng tăng, tổng dung tích hữu ích đạt khoảng 215,01 triệu m<sup>3</sup> (chiếm 82,89% so với dung tích thiết kế), tăng 5,07 triệu m<sup>3</sup> so với thời điểm hiện tại (ngày 09/11/2017).

Bảng 6: Kết quả dự báo nguồn nước trong các hồ/đập công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận đến ngày 16/11/2017

TT	Hồ chứa	Cao trình mực nước bình thường (m)	Dung tích hữu ích thiết kế ( $10^6 m^3$ )	Nguồn nước hiện tại 09/11/2017			Dự kiến nguồn nước đến 16/11/2017		
				Cao trình mực nước hiện tại (m)	Dung tích hữu ích ( $10^6 m^3$ )	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến ngày 09/11/2017 so với thiết kế	Cao trình mực nước (m)	Dung tích hữu ích ( $10^6 m^3$ )	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến 16/11/2017 so với thiết kế
1	Hồ Đá Bạc	31,01	4,478	31,10	4,600	102,72%	31,19	▲ 4,737	105,78%
2	Hồ Lòng Sông	76,95	33,696	76,93	33,649	99,86%	77,02	▲ 33,880	100,54%
3	Hồ Cà Giây	74,7	28,512	74,69	28,463	99,83%	74,74	▲ 28,707	100,68%
4	Hồ Sông Khán	106,95	1,753	106,63	1,603	91,44%	106,67	▲ 1,622	92,52%
5	Hồ Sông Quao	89	67,3	88,57	64,548	95,91%	88,71	▲ 65,444	97,24%
6	Hồ Suối Đá	47	7,858	45,78	4,369	55,60%	45,82	▲ 4,455	56,69%
7	Hồ Cẩm Hàng	25	1,167	23,96	0,620	53,13%	23,87	▼ 0,582	49,91%
8	Hồ Sông Móng	75,8	34,171	76,25	36,586	107,07%	76,47	▲ 37,800	110,62%
9	Đập Ba Bàu	42	5,974	41,04	3,367	56,36%	41,13	▲ 3,611	60,45%
10	Hồ Đu Đủ	61	3,367	60,88	3,237	96,14%	60,69	▼ 3,032	90,06%
11	Hồ Tân Lập	44	1	44,06	1,027	102,70%	44,02	▼ 1,009	100,90%
12	Hồ Tà Mon	46,5	0,607	45,76	0,466	76,77%	45,65	▼ 0,445	73,34%
13	Hồ Núi Đất	23,5	7,9	23,81	8,558	108,33%	23,86	▲ 8,664	109,67%
14	Hồ Trà Tân	95	3,485	95,15	3,931	112,80%	95,15	■ 3,931	112,80%
15	Đập Sông Phan	70	2,85	67,35	1,760	61,75%	67,32	▼ 1,745	61,24%
16	Hồ Phan Dũng	206,4	12,441	205,68	10,834	87,08%	206,35	▲ 12,329	99,10%
17	Hồ Sông Dinh 3	45,95	42,84	40,50	2,320	5,42%	40,65	▲ 3,016	7,04%
	<b>Tổng</b>		<b>259,399</b>		<b>209,94</b>	<b>80,93%</b>		<b>215,01</b>	<b>82,89%</b>

Ghi chú: ▲ ▼ ■ Dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với hiện tại

#### 4.2. Dự báo khả năng cấp nước vụ Mùa 2017

Với kế hoạch sản xuất và dự báo nguồn nước vụ Mùa đã tính ở trên, dự báo đến 16/11/2017 sẽ có:

Tổng số 19/19 (100%) hồ/đập thủy lợi đều có khả năng đảm bảo cấp nước cho vụ Mùa (xem Bảng 7): đập Ba Bàu, hồ Cà Giây, hệ thống đập Đồng Mới..., hồ Sông Quao, hồ Suối Đá, hồ Sông Khán, hồ Sông Móng, đập Sông Phan, hồ Sông Dinh 3, Sông La Ngà (tới đập Tà Pao), hồ Sông Khán, hồ Phan Dũng, hồ Lòng Sông, hồ Tà Mon, hồ Tân Lập, hồ Trà Tân, đập Sông Lũy, hồ Núi Đất, hồ Đu Đủ.

Kết quả dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu nước của các hồ chứa, đập dâng vụ Mùa 2017 được tổng hợp trong Bảng 7.

Bảng 7: Bảng tổng hợp dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vụ Mùa tỉnh Bình Thuận năm 2017

TT	LV Hồ, Đập	Dự báo khả năng cấp nước vụ Mùa	
		Lượng nước thiếu ( $10^6 m^3$ )	Khả năng cấp nước

		<b>Tháng 11</b>	<b>Tổng</b>	<b>tưới vụ Mùa 2017</b>
1	Hồ Đá Bạc	0	0	<b>100%</b>
2	Hồ Phan Dũng	0	0	<b>100%</b>
3	Hồ Lòng Sông	0	0	<b>100%</b>
4	Đập Sông Lũy	0	0	<b>100%</b>
5	Hồ Cà Giây	0	0	<b>100%</b>
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn...	0	0	<b>100%</b>
7	Hồ Sông Quao	0	0	<b>100%</b>
8	Hồ Suối Đá	0	0	<b>100%</b>
9	Hồ Sông Khán	0	0	<b>100%</b>
10	Hồ Sông Móng	0	0	<b>100%</b>
11	Đập Ba Bàu	0	0	<b>100%</b>
12	Hồ Đu Đu	0	0	<b>100%</b>
13	Đập Sông Phan	0	0	<b>100%</b>
14	Hồ Tân Lập	0	0	<b>100%</b>
15	Hồ Tà Mon	0	0	<b>100%</b>
16	Hồ Núi Đất	0	0	<b>100%</b>
17	Hồ Sông Dinh	0	0	<b>100%</b>
18	Sông La Ngà ( Tới Đập Tà Pao)	0	0	<b>100%</b>
19	Hồ Trà Tân	0	0	<b>100%</b>
<b>Tổng</b>			<b>0</b>	

### **Kết luận - Kiến nghị:**

Trên cơ sở kết quả kiểm kê nguồn nước hiện có của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận, địa phương cần: Cập nhật thường xuyên tình hình KTTV, diễn biến mưa lũ và nguồn nước về các hồ để có kế hoạch vận hành công trình hợp lý, chăm sóc tốt nhất cho cây trồng vụ Mùa; Tiếp tục theo dõi lưu lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 16/11/2017 cho thấy tổng dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 215,01 triệu m<sup>3</sup> (chiếm 82,89% so với dung tích thiết kế), như vậy về cơ bản các vùng/khu vực trên địa bàn tỉnh dự báo từ ngày 10/11/2017 đến ngày 16/11/2017 đều có khả năng đáp ứng đủ nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên cần phòng tránh úng ngập cục bộ trong một số vùng nông nghiệp. Dưới đây là kiến nghị kế hoạch sử dụng nước tại một số hồ chứa thủy lợi trong tỉnh Bình Thuận đến ngày 16/11/2017 như sau:

- Hồ Lòng Sông có 33,88 triệu m<sup>3</sup>, hồ Phan Dũng có 12,33 triệu m<sup>3</sup>, hồ Đá Bạc 4,74 triệu m<sup>3</sup>: Sử dụng nguồn nước hiện có trong các hồ này để cấp đủ nước tưới cho lúa, cây trồng vụ Mùa;
- Hồ Cà Giây có 28,71 triệu m<sup>3</sup>, hồ Sông Quao có 65,44 triệu m<sup>3</sup>: có thể tận dụng

